



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171 : Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TAN BO
Last Middle First
Current Address 1087B TRAN HUNG DAO District 5 HC CHI MINH CITY
Date of Birth AUG 5 1932 Place of Birth PHU DUC VINH LONG V N
Previous Occupation (before 1975) Lt Colonel Chief of 25th logistical Bataillon
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 16 1975 To Jan 9 1985
LENGHT (Number of years in Camp) 10 y. 3 M. 15 D.
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN TAN LOI brother
Name
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN TAN LOI</u>	<u>Brother</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared : Sept. 12 1989

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

PAGE 2

SECTION III:

NAME and AKA	PLACE/DATE of BIRTH (if known)	Present Location/Address (if known)
Your Father _____	<u>Dead</u>	_____
Your Mother _____	<u>Dead</u>	_____
Step-Father _____	_____	_____
Step-Mother _____	_____	_____
Spouse <u>NGUYEN THI KHINH</u>	<u>1936 My Tho</u>	<u>1087/B TRAN Hung Dao Q 5 HCM city</u>
Date(s)/Place(s) of Marriage(s) and/or Divorce(s) _____		

SECTION IV:

List ALL your Children (living, deceased or missing; blood, step, half & adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)
- TAN DAT	M	4/12/61	(if known)
- TAN HUY	M	My Tho 4/1/65	1087/B TRAN Hung Dao
- TAN HOANG	M	1/20/68	Q.5 HCM city
- TAN HOA	M	4/17/70	-
- TAN HIEP	M	10/10/72	-

SECTION V:

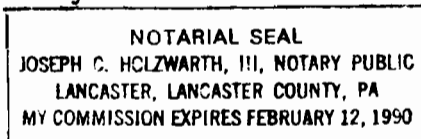
List ALL your Brothers and Sisters (living, deceased or missing; blood, step, half or adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)

SECTION VI: Additions/Explanations

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States

Nguyen N. Nham
Your signature
Stamp or Seal of Notary



Subscribed and sworn to before me this
SEP 20 1988
day of _____, 19____.

Nguyen N. Nham
Signature of Notary Public
My Commission expires: _____

Name and signature of agency representative who assisted in preparing this Affidavit:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: (

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' FAMILY
Hội Gia-Đình tù nhân Chính-Trị Việt Nam

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' DATA (OUT OF CAMP)
Phiếu dữ kiện dành cho tù nhân Chính-Trị Việt Nam đã được thả

1. FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: (Last,) (First) (Middle)
Tên, họ người cung cấp dữ kiện: **HUU N NHAM No 11477614**
2. NATURALIZATION CERT / ALIEN #
Số CC Quốc tịch / Thẻ Thường trú:
3. PRESENT ADDRESS & PHONE #:
Địa chỉ hiện tại & Số ĐT:
4. RELATIONSHIP:
Liên hệ gia đình (với tù nhân Cải tạo): **Friend**
5. FULL NAME OF EX. POLITICAL PRISONER:
Tên, họ Cựu tù Cải tạo: **BO NGUYEN TAN**
6. DATE AND PLACE OF BIRTH: (Mo/Date/Yr)
Tháng/Ngày/Năm và Nơi sinh: **Aug 5 1932**
7. POSITION/RANK/MOS# (Before 4/75)
Chức vụ/Cấp bậc/Số quân (Trước 4/75): **Commander - Lt Colonel**
8. LAST POSITION/UNIT OF SERVICE:
Cơ quan/Đơn vị phục vụ sau cùng: **25th Logistical Battalion**
9. MONTH/DATE/YEAR ARRESTED:
Tháng/Ngày/Năm bị giam giữ: **June 16 1975**
10. MO/DATE/YR OUT OF CAMP:
Tháng/Ngày/Năm được thả: (Nếu có, Xin đính kèm 1 bản Photo Giấy Trả Tự do) **Jan 9 1985**
11. PRESENT MAILING ADDRESS OF EX. P/PRISONER IN VN:
Địa chỉ l/đ hiện tại với Cựu tù nhân tại VN: **1087 B TRAN HUNG DAO 25 HCM city.**
- LIST FULL NAME/DOB&POB OF EX. P/PRISONER'S IMMEDIATE FAMILY & MOTHER/FATHER:
Tên, họ/Ngày/tháng/năm sinh & Nơi sinh Gia đình Cựu tù nhân kể cả Cha/Mẹ ruột:
- | | | | | |
|---|------------------|---------|--------|------------------------|
| - | Nguyen Thi KHINH | 1936 | My Tho | wife |
| - | Nguyen TAN DAT | 4/12/61 | - | Son TAN HI'EP 10/10/72 |
| - | TAN HUY | 4/1/65 | - | My Tho |
| - | TAN DOANG | 1/20/68 | - | - |
| - | TAN HOA | 4/17/70 | - | - |
12. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY RE-UNIFICATION?
Đã có nộp đơn xin ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH chưa?
(IF YOU HAVE (Nếu đã)
- a. ODP/BANGKOK LV # (Số LV hồ sơ Đoàn Tụ của ODP/BKK) **yes**
not yet
- b. DATE OF NOTICE APPROVAL FROM I-171 INS/FORM:
Ngày cấp Thông báo thuận NHẬP COUNTRY trong mẫu I-171: (Nếu có, Xin kèm một bản photo mẫu I-171) **not yet**

COMMENT/RECOMMENDATIONS:
Ý kiến/Đề nghị:

priority go to USA

Nguyen N. Nham
SIGNATURE OF INFO. PROVIDER
Chữ ký của người điền Phiếu.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TAN BO
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : August 5 1932 Vinh Long VN
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 1087 B TRAN HUNG DAO St HO CHI MINH CITY
Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co): From (Tu): 6/16/75 To (Den): 01/9/85

PLACE OF RE-EDUCATION: NAM HA - HA TAY
AMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Militaryman

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): US AM school team Fort Lee VA 1966

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Lieutenant Colonel

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Commander 25th Logistics Bn
1954 Date (nam): 4/20/75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒
IV Number (So ho so): not yet
No (Khong): ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Same as above

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

NGUYEN TAN LOC
Brother

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ☒ No (Khong): ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Brother

NAME & SIGNATURE: HUU N NHAM

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: Sept 20 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5 Name of principal applicant (PA) NGUYEN TAN BO
(listed on page 1)

Name of Dependant/accompanying Relatives	Date of birth	Relationship to PA
Nguyen Thi KATINA	1936	Wife
- TAN DAT	4/12/61	Son
- - HUY	4/1/65	-
- - HOANG	1/20/68	-
- - HOA	4/17/70	-
- - HIEP	10/10/72	-

HỘI NỘI-VU
TRẠI NAM HA
Số : 783 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập tự do Hạnh phúc

000778 09902

GIẤY RA TRẠI

ĐƠN THỊNH DIỆN
6810C13
3/01/1985
Nội vụ

Theo thông tư số 966BCA/TT ngày 31/5/61 của Bộ công

Thi hành quyết định tha số 63 ngày 15/12/84 của Bộ

Nội vụ,
Nay cấp giấy ra trại cho anh có tên sau đây:

Họ và tên : Nguyễn Tấn Bô , sinh 1932

Sinh quán : Vĩnh Long

Trú quán : 1087 Đường Trần Hưng Đạo, Quận 5 Thành
phố Hồ Chí Minh.

Cán tội : Trưởng tá tiêu đoàn trưởng tiêu đoàn 25
tiếp vận.

Bắt ngày : 16/6/75 qua tập trung cải tạo theo quyết
định số ngày tháng năm Bô nội vụ,

Nay về củ trú tại: 1087/Đường 5 thành phố Hồ Chí
Minh

Nhân xét thái độ cải tạo và đề nghị
Từ ngày vào trại xác định được tội lỗi và lần
cải tạo . Lao động thêm gia đình đảm bảo ngày công việc ngoài
học tập và chấp hành nội quy chưa có sai phạm gì lớn .
Được xếp loại cải tạo : khá .

Đường sự phải trình diện tại công an thành phố Hồ
chí Minh trước ngày 25 tháng 1 năm 1985 .

a tay ngón trở phải
a Nguyễn Tấn Bô
nh bản số: 5982
gi quan pháp

Họ tên chủ lý
người được cấp
giấy

Ngày 09 tháng 1 năm 1985



Nguyễn Tấn Bô

Nguyễn Tấn Bô



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171 : ____Y ____N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TAN BO
Last Middle First
Current Address 1087B TRAN HUNG DAO District 5 HO CHI MINH CITY
Date of Birth AUG 5 1932 Place of Birth PHU DUC VINH LONG V N
Previous Occupation(before 1975) Lt Colonel Chief of 25th logistical Bataillon
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 16 1975 To Jan 9 1985
LENGHT (Number of years in Camp) 10 Y. 3 M. 15 D.
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN TAN LOI brother
Name
Address & Telephone
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN TAN LOI</u>	<u>Brother</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared : Sept. 12 1989

SECTION III:

NAME and AKA	PLACE/DATE of BIRTH (if known)	Present Location/Address (if known)
Your Father	<u>Dead</u>	
Your Mother	<u>Dead</u>	
Step-Father		
Step-Mother		
Spouse <u>NGUYEN THI KHINH</u>	<u>1936 My Tho</u>	<u>1087/B TRAN Hung Dao Q 5 HCM city</u>
Date(s)/Place(s) of Marriage(s) and/or Divorce(s)		

SECTION IV:

List ALL your Children (living, deceased or missing; blood, step, half & adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)
- TAN DAT	M	4/12/61	
- TAN HUY	M	My Tho 4/1/65	1087/B TRAN Hung Dao
- TAN HOANG	M	1/20/68	Q.5 HCM city
- TAN HOA	M	4/17/70	-
- TAN HIEP	M	10/10/72	-

SECTION V:

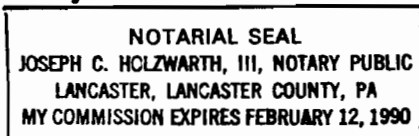
List ALL your Brothers and Sisters (living, deceased or missing; blood, step, half or adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)

SECTION VI: Additions/Explanations

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States

Joseph W. V. Ham
 Your signature
 Stamp or Seal of Notary



Subscribed and sworn to before me this
SEP 20 1989 day of SEP, 1989.

[Signature]
 Signature of Notary Public
 My Commission expires: _____

Name and signature of agency representative who assisted in preparing this Affidavit:

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TAN 130
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : August 5 1932 VINH LONG VN
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): ✓
Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 1087 B TRAN HUNG DAO ST HCM CITY
Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 6/16/75 To (Den): 1/9/85

PLACE OF RE-EDUCATION: NAM HA & HA TAY NORTH VN
AMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Militaryman

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): US Army school team Fort Lee VA 1966

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Lieutenant Colonel

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Commander 25th Logistical Bn
1954 Date (nam): 6/30/75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓

IV Number (So ho so): not yet

No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): same as above

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

NGUYEN TAN LOC

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Brother

NAME & SIGNATURE: Huu N Nham HUU N NHAM

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: September 20 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TAN BO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI KHING	1936	WIFE
- TAN DAT	4/12/61	SON
- TAN HUY	4/1/65	-
- TAN HOANG	1/20/68	-
- TAN HOA	4/17/70	-
- TAN HIEP	10/10/72	-

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' FAMILY
Hội Gia-Đình Tu nhân Chính-Tạo Vietnam

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' DATA (OUT OF CAMP)
Phiếu dữ kiện dành cho tù nhân Cải tạo vãn đã được thả

1. FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: (Last,) (First) (Middle)
Tên, Họ người cung cấp dữ kiện: **HUU N NHAM No 11477 614**
2. NATURALIZATION CERT / ALIEN #
Số CC Quốc tịch / Thẻ Thường trú:
3. PRESENT ADDRESS & PHONE #:
Địa chỉ hiện tại & Số ĐT:
4. RELATIONSHIP:
Liên hệ gia đình (với tù nhân Cải tạo): **Friend**
5. FULL NAME OF EX. POLITICAL PRISONER:
Tên, Họ Cựu tù Cải tạo: **BO NGUYEN TAN**
6. DATE AND PLACE OF BIRTH: (Mo/Date/Yr)
Tháng/Ngày/Năm và Nơi sinh: **Aug 5 1932**
7. POSITION/RANK/MOS# (Before 4/75)
Chức vụ/Cấp bậc/Số quân (Trước 4/75): **Commander - Lt Colonel**
8. LAST POSITION/UNIT OF SERVICE:
Cơ quan/Đơn vị phục vụ sau cùng: **25th Logistical Battalion**
9. MONTH/DATE/YEAR ARRESTED:
Tháng/Ngày/Năm bị giam giữ: **June 16 1975**
10. MO/DATE/YR OUT OF CAMP:
Tháng/Ngày/Năm được thả: (Nếu có, Xin đính kèm 1 bản Photo Giấy Trả Tự do) **Jan 9 1985**
11. PRESENT MAILING ADDRESS OF EX.P/PRISONER IN VN:
Địa chỉ l/đ hiện tại với Cựu tù nhân tại VN: **1087 B TRAN HUNG DAO 25 HCM CITY.**
- LIST FULL NAME/DOD&POB OF EX.P/PRISONER'S IMMEDIATE FAMILY & MOTHER/FATHER:
Tên, Họ/Ngày/thg/năm sinh & Nơi sinh Giadình Cựu tù nhân kể cả Cha/Mẹ ruột:
- | | | | | |
|---|------------------|---------|--------|-----------------------|
| - | Nguyen Thi KHINH | 1936 | My Tho | Wife |
| - | Nguyen TAN DAT | 4/12/61 | - | Son TAN HIEP 10/10/72 |
| - | TAN HUY | 4/11/65 | - | My Tho |
| - | TAN HOANG | 1/20/68 | - | - |
| - | TAN HOA | 4/17/70 | - | - |
13. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY RE-UNIFICATION?
Đã/Bà có nộp đơn xin ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH chưa?
IF YOU HAVE (Nếu đã)
- a. ODP/BANGKOK IV # (Số IV hồ sơ Đoàn Tụ của ODP/BKK) **not yet**
- b. DATE OF NOTICE APPROVAL FROM I-171 INS/FORM:
Ngày cấp Thông báo thuận NIẬP CẢNH trong mẫu I-171: (Nếu có, Xin kèm một bản photo mẫu I-171) **not yet**
- COMMENT/RECOMMENDATIONS:
Ý kiến/Đề nghị: **priority go to USA**

Phạm N. Wham
SIGNATURE OF INFO. PROVIDER
Chữ ký của người điền Phiếu.

QUARTERMASTER VETERANS MUTUAL ASSISTANCE ASSOCIATION

Phone

September 21 1989

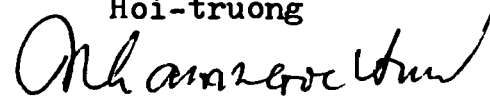
PHIEU GOI

Ho so cua	So luong	Ngnoi bao-tro va dia-chi
1-Nguyen cong Truc	2	-Tran van Nhan
2-Nguyen tan Bo	2	-Nguyen tan Loi
3-Nguyen huu Lac	2	-Pham ngoc Hai
4-Hoang van Yen	2	-Hoang trong Son
5-Do dang Phuoc	2	-Do tan Tam
6-Vu xuan Thu	2	-Do tan Tam "
7-Dinh van Lai	2	-Dinh huynh Hung
8-Nguyen Thoan	2	-Nham ngoc Huu
9-Bui huy Thieu	2	-Nham ngoc Huu "
10-Lam kim Trung	2	-Nham ngoc Huu "
11-Hua kim Cao	2	-Nham ngoc Huu "
12 Bui quang Trat	2	-Bui kim Nga

Noi nhan.-

Hoi Gia-dinh Tu nhan Chinh tri Viet nam
Ho so - Luu

Hoi-truong



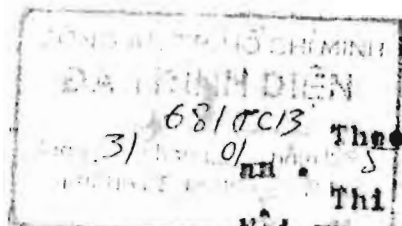
Nham ngoc Huu

BỘ NỘI VỤ
TRẠI NAM HÀ
Số : 743 QRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập tự do Hạnh phúc

000778 09902

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966BCA/TT ngày 31/5/61 của Bộ công
Thi hành quyết định tha số 63 ngày 15/12/84 của Bộ
Nội vụ,

Nay cấp giấy ra trại cho anh có tên sau đây:

Họ và tên : Nguyễn Tấn Bô , sinh 1932

Sinh quán : Vĩnh Long

Trú quán : 1087/Buồng Trâm Hưng Đạo, quận 5 Thành
phố Hồ Chí Minh .

Chức tại : Trung tá tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 25
tiếp vận .

Bắt ngày : 16/6/75 qm tập trung cải tạo theo quyết
định số ngày tháng năm Bộ nội vụ ,

Nay về củ trú tại: 1087/Buồng Trâm Hưng Đạo Q5
quận 5 thành phố Hồ Chí Minh

Nhân xét thái độ cải tạo và đề nghị
Tủ ngày vào trại xác định được tội lỗi và tàn
cải tạo . Lao động tham gia đều đặn bảo vệ công tác không
học tập và chấp hành nội quy chưa có sai phạm gì lớn .
Được xếp loại cải tạo : khá .

Đường sự phải trình diện tại công an thành phố Hồ
Chí Minh trước ngày 25 tháng 1 năm 1985 .

Lên tay ngón trỏ phải
của Nguyễn Tấn Bô
danh báp số: 5082
tại quận phước

Họ tên chủ ký
người được cấp
giấy.

Ngày 09 tháng 1 năm 1985

Nguyễn Tấn Bô



Trần Văn

SÁO Y BẢN CHÁNH
Khi sử dụng, cần sao lại bản gốc

TP. HCM. N. ²⁵ ~~Tháng~~ ⁵ ~~Năm~~ 19⁷⁹
TM. UBND. ~~Quận~~ ⁵ Q. 5
T. ~~Trưởng~~ ^{Trưởng} ~~Thị~~ ^{Thị}
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Thị Hồng

QUESTIONNAIRE OF APPLICANT

-:-:-

A - BASIC IDENTIFICATION DATE :

- 1- NAME : NGUYỄN TẤN BỘ SEX : MALE
- 2- DATE / PLACE OF BIRTH , AUGUST 5 , 1932 , PHỐ ĐỨC CHÂU THÀNH VINH LONG .
- 3- RESIDENCE ADDRESS : 1087 / B TRẦN HƯNG ĐẠO Q.5 HỒ CHÍ MINH CITY .
- 4- PRESENT OCCUPATION : NONE .

B - RELATIVES TO ACCOMPANY WITH :

NAME	DATE OF BIRTH	PLACE	SEX	RELATION SHIP
1. HUYNH THỊ KHINH	1936	DIEM HOA MY THO	F	WIFE
2. NGUYỄN TẤN ĐẠT	12 april 1961	"	M	SON
3. NGUYỄN TẤN HUY	01 april 1965	"	M	SON
4. NGUYỄN TẤN HOÀNG	20 Jan. 1968	"	M	SON
5. NGUYỄN TẤN HOÀ	17 April 1970	"	M	SON
6. NGUYỄN TẤN HIỆP	10 Oct 1972	"	M	SON

C - RELATIVES OUTSIDE V.N

1 - IN THE US

- a) NAME : NGUYỄN TẤN LỢY
- b) RELATIVE SHIP : Brother
- c) ADDRESS :

2 - IN THE OTHER COUNTRIES : NONE

D - SERVICES IN AR VN BEFORE 1975 .

Drafted in the THU ĐỨC Reserve officer school in 1954, and specialized in quarter-master branch, I has served as :

- From 1960 to 1963, commander 141 ST Quatermaster field depot (at CẦN THƠ, 4th M.R)
- 1964 to 1967 - Captain, deputy chief 10th Base depot C.M. depot Saigon (Class I , II , IV)
- 1968 - 1970 - Captain chief RURAL development committee, HẬU NGHĨA Province.
- 1970 - 1971 - Major , deputy chief, POL (Petroleum oil lubricant) 30th base depot . SAIGON
- 1972 - 1974 - Lieutenant colonel .
- Commander VN 25th Division logistic battalion . at Củ Chi, Hậu Nghĩa Province
- 1975 - deputy chief, rural development committee Pleiku Province .
- Will in these fonctions, I did have closed relationship with US adviser officers but because of the leardship endured and le long lapse of time, I can now remember only

the name of captain Thompson as my counterpart at CẦN THƠ 141th - Q.M field depot .

E • TRAINING ABROAD :

I did not have the opportunity of studying in the US but I was trained under US auspices in 3 courses .

1- Quartermaster Depot operations by the JOB training, during 4 months of 1958 at the 55th Q.M base depot - US army in PUSAN , south KOREA .

2- Q.M equipment maintenance course during 3 months in 1966 by the mobile training team from Q.M school US army Fort Lee USA , at the 10th - Q.M base depot SAIGON .

3- Logistics Management course during 5 months of 1971 at the V.N logistic school, jointly by US and VN instructors

• Of these 3 courses, I was *highly* graduated but due to our hazardous situation at april 1975, these graduation certificates and all other papers relating to my military service were destroyed .

F • REEDUCATION CAMP .

- 1975 - 1979 - Military camp at HOÀNG LIÊN SON Province .

• 1980 - 1983 - Police camp - HẢI TÂY camp at HẢI SON BÌNH Province

- 1984 - 1985 - Police camp - NAM HẢI camp at HẢI NAM BÌNH Province .

G • Date of releasing : JAN 9 • 1985 .

H • Comment and Remarks :

1)- As stated in D paragraph above my last function as deputy chief rural development committee PLEIKU Province differencies with that on the release certificate because while in reeducation camp, I did have to report my highest function during my military service .

2)- In FEB 1985, after my release from camp , I did send to ODP BANGKOK one complete dossier of application with the old form questionnaire and all related supporting documents but untill now, I do not know the result .

• In 16 august 1987, I also sent one new same dossier to the TỔ CÔNG TÁC VN at 6 Chu Văn An Hà Nội and I do not have any result .

• Because of the actual life hardships and ^{IN} ~~for~~ the hope of a better futur for my children, I wish to request your assistance by favorably considering my case and living me one letter of introduction (LOI)

I • DOCUMENTS ATTACHED IN THIS QUESTIONNAIRE :

• One copy of release certificate from reeducation camp .

HỒ CHÍ MINH CITY

NGUYỄN TẤN ĐỒ